

THÔNG BÁO

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ VI LỚP ĐẠI HỌC K2 HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH LUẬT

Địa điểm mở lớp: Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Cao Bằng

Khóa học: 2014 - 2019

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật đất đai						Những vấn đề lớn của thời đại và Khoa học lãnh đạo quản lý hiện đại						Luật lao động						Tư pháp quốc tế						Luật hôn nhân và gia đình						Luật ngân hàng					
							TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	T C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T C	TP	T	TB	QĐ	Đ
							3						3						3						2						2						3					
1	LCB2.01	Đỗ Thế Anh	08.05.1982	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	3	9.0	8.5	8.7	4	A	2	10.0	7.5	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	
2	LCB2.02	Trung Văn Báo	12.01.1984	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A	2	8.0	8.0	8.0	3	B	
3	LCB2.03	Đàm Thị Bàng	19.02.1985	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A	
4	LCB2.04	Nguyễn Thị Bền	01.12.1973	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	
5	LCB2.05	Hoàng Văn Bình	17.02.1979	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.5	8.4	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	
6	LCB2.06	Ngô Sỹ Bôn	15.11.1976	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	
7	LCB2.07	Vi Văn Bông	09.02.1984	Nam	Cao Bằng	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	
8	LCB2.08	Nông Thị Bướm	14.10.1985	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	
9	LCB2.10	Nguyễn Thị Cúc	21.12.1985	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	7.5	7.4	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	
10	LCB2.11	Vương Kim Cúc	20.04.1983	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	9.0	9.0	4	A	3	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	7.5	8.0	7.9	3	B	
11	LCB2.12	Triệu Thị Kim Cúc	13.02.1996	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	8.0	8.5	8.4	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	
12	LCB2.13	Hoàng Văn Cương	29.07.1985	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B	3	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	
13	LCB2.14	Lương Tân Cương	22.12.1982	Nam	Cao Bằng	3	7.0	7.5	7.4	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	
14	LCB2.15	Lục Văn Chính	06.10.1992	Nam	Cao Bằng	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.5	8.5	8.5	4	A	2	8.0	9.0	8.7	4	A	
15	LCB2.16	Vy Văn Chuyên	28.12.1989	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	
16	LCB2.17	Lục Văn Chức	18.10.1984	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	
17	LCB2.19	Đinh Ba Duy	17.02.1984	Nam	Cao Bằng	3	9.0	8.0	8.3	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.5	8.4	3	B	2	10.0	9.0	9.3	4	A	2	8.0	9.0	8.7	4	A	2	9.0	8.5	8.7	4	A	
18	LCB2.20	Đinh Thị Dư	26.04.1991	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A	2	7.5	7.0	7.2	3	B	
19	LCB2.21	Nguyễn Ngọc Được	30.08.1985	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật đất đai						Những vấn đề lớn của thời đại và Khoa học lãnh đạo quản lý hiện đại						Luật lao động						Tư pháp quốc tế						Luật hôn nhân và gia đình						Luật ngân hàng					
						TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	T C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T C	TP	T	TB	QĐ	Đ
						3						3						3						2						2						3					
20	LCB2.22	Chu Tiến Đại	28.12.1982	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	7.0	7.2	3	B
21	LCB2.23	Triệu Tồn Đại	05.06.1995	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	6.5	7.3	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B
22	LCB2.24	Chu Văn Đình	08.05.1980	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.0	7.3	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B
23	LCB2.25	Hoàng Thị Đoan	11.05.1991	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.5	8.4	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	9.0	8.7	4	A
24	LCB2.26	Phùng Văn Đôn	18.11.1988	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	9.0	9.0	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
25	LCB2.27	Vì Văn Đức	10.02.1978	Nam	Cao Bằng	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
26	LCB2.28	Lý Minh Đức	23.03.1971	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	6.0	6.9	2	C	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	7.0	7.2	3	B
27	LCB2.29	Lương Thùy Giang	17.04.1990	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
28	LCB2.30	Lê Quang Giáp	10.07.1986	Nam	Cao Bằng	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
29	LCB2.31	Lý Tiến Hải	12.01.1984	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.0	8.0	8.0	3	B
30	LCB2.32	Tô Duy Hải	15.11.1979	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
31	LCB2.35	Trương Thị Hằng	10.07.1996	Nữ	Cao Bằng	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
32	LCB2.41	Đàm Văn Hòa	01.06.1985	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.5	8.5	8.5	4	A	2	8.5	8.5	8.5	4	A
33	LCB2.42	Hoàng Xuân Hòa	25.04.1984	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
34	LCB2.43	Nông Ngọc Hoàn	04.03.1992	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.0	7.0	7.3	3	B
35	LCB2.44	Hà Văn Hoàn	04.10.1981	Nam	Cao Bằng	3	8.0	9.0	8.7	4	A	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	9.5	9.2	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A
36	LCB2.47	Nguyễn Thị Hồng	16.09.1983	Nữ	Cao Bằng	3	9.0	8.0	8.3	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	10.0	9.5	9.7	4	A	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
37	LCB2.48	Lý Văn Hời	07.02.1982	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.0	7.3	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	6.0	6.9	2	C	2	7.5	7.0	7.2	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
38	LCB2.50	Tăng Thị Huê	26.08.1993	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.5	8.4	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B	3	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
39	LCB2.51	Lục Thị Huê	29.07.1982	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B
40	LCB2.53	Nông Thanh Huyền	13.01.1986	Nữ	Cao Bằng	3	9.0	9.0	9.0	4	A	3	9.0	8.0	8.3	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	10.0	9.5	9.7	4	A	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
41	LCB2.56	Lâm Văn Hưng	01.12.1991	Nam	Cao Bằng	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B
42	LCB2.58	Cam Thị Hương	08.08.1984	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
43	LCB2.59	Chu Thị Hương	02.10.1980	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.5	8.4	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	9.0	9.0	4	A	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật đất đai						Những vấn đề lớn của thời đại và Khoa học lãnh đạo quản lý hiện đại						Luật lao động						Tư pháp quốc tế						Luật hôn nhân và gia đình						Luật ngân hàng					
							TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	TP	T	TB	QĐ	Đ
							3						3						3						2						2						3					
44	LCB2.61	Dương Thị	Hường	26.09.1985	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
45	LCB2.62	Linh Thúy	Kiều	11.10.1993	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	8.0	9.0	8.7	4	A
46	LCB2.63	Nguyễn Khắc	Khang	11.10.1976	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
47	LCB2.64	Dương Văn	Khư	03.11.1989	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A	2	7.5	8.0	7.9	3	B
48	LCB2.66	Nông Đức	Lập	23.10.1994	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.5	8.4	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
49	LCB2.67	Hứa Thị	Liên	20.10.1988	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
50	LCB2.68	Lâm Ngọc	Linh	27.05.1988	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	9.0	9.0	4	A	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
51	LCB2.69	Chu Văn	Lợi	18.02.1987	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	9.0	9.0	4	A	3	7.0	8.5	8.1	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.0	8.5	8.4	3	B
52	LCB2.70	Hoàng Long	Lợi	02.03.1991	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
53	LCB2.71	Lý Tài	Luận	01.11.1994	Nam	Cao Bằng	3	7.0	7.5	7.4	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
54	LCB2.72	Ma Văn	Luyện	27.08.1981	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	9.5	9.1	4	A	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
55	LCB2.73	Lã Trần	Minh	01.01.1986	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	8.5	8.5	8.5	4	A
56	LCB2.74	Lương Hà	Nam	24.01.1985	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	7.5	9.0	8.6	4	A
57	LCB2.75	Nông Thị	Nga	19.02.1979	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B
58	LCB2.76	Lục Thị	Nga	16.03.1980	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.5	8.7	4	A	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
59	LCB2.77	Nông Thanh	Nghĩa	16.02.1978	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
60	LCB2.81	Đinh Thị	Phương	06.01.1995	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.5	8.4	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
61	LCB2.82	Phùng Thị	Phương	24.02.1990	Nữ	Cao Bằng	3	7.0	8.5	8.1	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B	2	6.0	8.5	7.8	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
62	LCB2.83	Vũ Thị	Phượng	04.08.1995	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.5	8.4	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	9.0	8.4	3	B	2	8.0	6.0	6.6	2	C	2	8.0	7.0	7.3	3	B
63	LCB2.85	Cam Vi Thị	Rô	15.02.1987	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	8.5	8.5	4	A	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
64	LCB2.86	Hoàng Duy	Tâm	16.04.1991	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
65	LCB2.87	Nông Thị	Tiếp	13.06.1981	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
66	LCB2.88	Chu Văn	Tĩnh	16.06.1985	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
67	LCB2.89	Trương Văn	Tôn	22.07.1993	Nam	Cao Bằng	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	9.0	9.0	4	A	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật đất đai						Những vấn đề lớn của thời đại và Khoa học lãnh đạo quản lý hiện đại						Luật lao động						Tư pháp quốc tế						Luật hôn nhân và gia đình						Luật ngân hàng					
							TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	TP	T	TB	QĐ	Đ
							3						3						3						2						2						3					
68	LCB2.90	Triệu Văn	Tôn	02.10.1979	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.5	8.4	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B	3	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.5	8.5	8.5	4	A	2	8.5	8.5	8.5	4	A	2	7.5	8.5	8.2	3	B
69	LCB2.91	Bế Thị	Tới	24.02.1994	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.5	8.4	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B	3	9.0	9.0	9.0	4	A	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	8.5	8.5	4	A	2	7.5	9.0	8.6	4	A
70	LCB2.92	Nông Văn	Tuấn	02.01.1976	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	7.0	8.5	8.1	3	B
71	LCB2.93	Sầm Mạnh	Tùng	05.03.1986	Nam	Cao Bằng	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
72	LCB2.94	Nguyễn Khánh	Tùng	24.11.1990	Nam	Cao Bằng	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
73	LCB2.95	Hoàng Văn	Tuyên	12.04.1988	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	6.0	6.6	2	C	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B
74	LCB2.96	Lương Phùng	Tuyển	17.12.1988	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	7.5	7.0	7.2	3	B
75	LCB2.98	Đàm Văn	Thành	27.05.1985	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
76	LCB2.99	Lý Văn	Thảo	07.10.1983	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
77	LCB2.101	Hà Văn	Thoát	27.03.1984	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	9.5	9.1	4	A	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
78	LCB2.102	Hoàng Trung	Thông	12.02.1987	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B
79	LCB2.104	Nông Thị	Thuận	07.06.1982	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
80	LCB2.105	Vũ Thị Biên	Thùy	15.06.1990	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
81	LCB2.106	Hoàng Thị	Thùy	10.06.1986	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
82	LCB2.107	Đàm Thị	Thuyền	10.11.1982	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	7.0	8.5	8.1	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
83	LCB2.109	Tổng Thanh	Trà	19.08.1974	Nam	Cao Bằng	3	8.0	7.5	7.7	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
84	LCB2.110	Nông Thị Thu	Trang	26.12.1993	Nữ	Cao Bằng	3	7.0	7.5	7.4	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
85	LCB2.111	Hà Việt	Trung	18.12.1992	Nam	Cao Bằng	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
86	LCB2.112	Nông Văn	Trung	11.08.1992	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
87	LCB2.113	Đặng Văn	Truyền	07.09.1982	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.0	9.0	8.4	3	B
88	LCB2.114	Hoàng Thâm	Vân	18.04.1991	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	0.0	7.0	4.9	1	D	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	7.0	7.2	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
89	LCB2.115	Trần Đức	Vinh	03.12.1973	Nam	Cao Bằng	3	8.0	9.0	8.7	4	A	3	9.0	8.0	8.3	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	10.0	9.5	9.7	4	A	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
90	LCB2.116	Nhâm Văn	Vinh	07.10.1993	Nam	Cao Bằng	3	7.0	7.5	7.4	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.0	8.5	8.1	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
91	LCB2.117	Bế Thanh	Xuân	25.01.1995	Nữ	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	6.5	7.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật đất đai							Những vấn đề lớn của thời đại và Khoa học lãnh đạo quản lý hiện đại							Luật lao động							Tư pháp quốc tế							Luật hôn nhân và gia đình							Luật ngân hàng						
						TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	T C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T C	TP	T	TB	QĐ	Đ						
						3							3							3							2							2							3						
92	LCB2.118	Lưu Hoàng Sơn	12.06.1991	Nam	Cao Bằng	3	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	6.0	7.5	7.1	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B						

Bảng quy đổi điểm

Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Ghi chú
8.5 đến 10	A	4	Những sinh viên có điểm học phần đạt điểm F là những sinh viên chưa qua học phần đó và phải học lại
7.0 đến 8.4	B	3	
5.5 đến 6.9	C	2	
4.0 đến 5.4	D	1	
0.0 đến 3.9	F	0	

- Nơi nhận:
- Trung tâm GDTX tỉnh Cao Bằng;
 - Các Phòng: CT-HSSV, KH-TC;
 - Khoa Luật & QLXH;
 - Website Trường;
 - Lưu: VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGS.TS. Trịnh Thanh Hải

